

**BẢNG ĐIỂM TỔNG KẾT MÔN HỌC/MÔ ĐUN**

Lớp: **TBN21BAP** Năm học: **21-22**  
Mã môn học/ Mô đun: **MH02073** Học kỳ: **01**  
Tên môn học/ Mô đun: **Giáo dục QP - An ninh**  
Số tín chỉ: **2**

| STT | MSHS       | Họ tên                | Ngày sinh  | Hệ số 1 |  |  |    | Hệ số 2 |  |  |  | ThiL1 | ThiL2 | ĐMH/<br>MD |
|-----|------------|-----------------------|------------|---------|--|--|----|---------|--|--|--|-------|-------|------------|
| 1   | 21BTBN0337 | Trần Tấn An           | / /1983    |         |  |  | 0  | 0       |  |  |  | 0.0   | 0.0   | 0.0        |
| 2   | 21BTBN0338 | Nguyễn Trương Gia Bảo | 21/05/2006 |         |  |  | 5  | 6       |  |  |  | 5.2   |       | 5.4        |
| 3   | 21BTBN0339 | Nguyễn Văn Chanh      | 10/08/2006 |         |  |  | 10 | 7       |  |  |  | 7.4   |       | 7.6        |
| 4   | 21BTBN0340 | Mai Thị Diệu Dâng     | 28/07/2006 |         |  |  | 0  | 0       |  |  |  | 0.0   | 0.0   | 0.0        |
| 5   | 21BTBN0341 | Trương Thành Đạt      | 07/07/2005 |         |  |  | 0  | 0       |  |  |  | 0.0   | 0.0   | 0.0        |
| 6   | 21BTBN0342 | Đoàn Thị Kim Khánh    | 20/07/2006 |         |  |  | 5  | 8       |  |  |  | 6.8   |       | 6.9        |
| 7   | 21BTBN0343 | Trần Quốc Khánh       | 21/11/2006 |         |  |  | 10 | 9       |  |  |  | 7.0   |       | 7.9        |
| 8   | 21BTBN0344 | Nguyễn Yến Khoa       | 05/09/2006 |         |  |  | 0  | 0       |  |  |  | 0.0   | 0.0   | 0.0        |
| 9   | 21BTBN0345 | Lê Thị Trúc Linh      | 17/01/2006 |         |  |  | 5  | 5       |  |  |  | 5.0   |       | 5.0        |
| 10  | 21BTBN0346 | Trần Thanh Nhiên      | 10/09/2006 |         |  |  | 5  | 5       |  |  |  | 5.0   |       | 5.0        |
| 11  | 21BTBN0347 | Nguyễn Văn Nhịn       | 05/06/2006 |         |  |  | 10 | 8       |  |  |  | 7.4   |       | 7.9        |
| 12  | 21BTBN0348 | Nguyễn Thị Huỳnh Như  | 26/09/2006 |         |  |  | 6  | 6       |  |  |  | 5.2   |       | 5.5        |
| 13  | 21BTBN0349 | Huỳnh Tấn Nhựt        | 11/07/2004 |         |  |  | 10 | 9       |  |  |  | 6.0   |       | 7.3        |
| 14  | 21BTBN0350 | Huỳnh Thị Mỹ Quỳnh    | 24/06/2006 |         |  |  | 5  | 0       |  |  |  | 0.0   | 0.0   | 0.7        |
| 15  | 21BTBN0351 | Trần Nhật Tân         | 25/06/2005 |         |  |  | 0  | 0       |  |  |  | 0.0   | 0.0   | 0.0        |
| 16  | 21BTBN0352 | La Thành Toàn         | 29/10/2006 |         |  |  | 0  | 0       |  |  |  | 0.0   | 0.0   | 0.0        |
| 17  | 21BTBN0353 | Trương Ngọc Trân      | 11/06/2006 |         |  |  | 5  | 5       |  |  |  | 6.2   |       | 5.7        |
| 18  | 21BTBN0354 | Mã Thiện Vi           | 29/09/2006 |         |  |  | 6  | 5       |  |  |  | 9.6   |       | 7.9        |
| 19  | 21BTBN0355 | Trần Thị Tường Vi     | 12/05/2006 |         |  |  | 0  | 0       |  |  |  | 0.0   | 0.0   | 0.0        |
| 20  | 21BTBN0356 | Trần Thị Kim Xuyên    | 21/10/2004 |         |  |  | 0  | 0       |  |  |  | 0.0   | 0.0   | 0.0        |
| 21  | 21BTBN0357 | Huỳnh Thị Ngọc Yến    | 10/11/2006 |         |  |  | 5  | 7       |  |  |  | 8.8   |       | 7.8        |

Châu Đốc, ngày 28 tháng 9 năm 2022

TP. Đào tạo

Giáo viên giảng dạy

Ths. Trần Thanh Dũng

Nguyễn Thị Quốc Hương